

Số: 95/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2022
V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án của Toà án nhân dân thành phố T đã xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6518/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1983;

Hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ: Số 51 Đường số 4, Khu phố 6, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc B, sinh năm: 1971;

Hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ: Số 51 Đường số 4, Khu phố 6, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Hoàng Ngọc B cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 01 năm 2021, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Hoàng Ngọc B chung sống với nhau từ năm 2014, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 66/2014 quyền số: 01/2014 ngày 02/7/2014 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp.

Quá trình chung sống không hạnh phúc, khoảng 3 năm trở lại đây mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Từ tháng 11/2020 đến nay bà và ông Hoàng Ngọc B đã tự sống ly thân. Nay bà Lê Thị H xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Lê Thị H xác nhận bà và ông Hoàng Ngọc B có một con chung tên Hoàng Nhật L (nữ), sinh ngày 01/9/2014. Ly hôn bà Lê Thị H đồng ý giao con chung Hoàng Nhật L cho ông Hoàng Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng, bắt đầu từ khi quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác nhận bà và ông Hoàng Ngọc B không có tài sản chung.

Nợ chung: Bà Lê Thị H xác nhận bà và ông Hoàng Ngọc B không có nợ chung.

* Taii phieân toaø hoâm nay bị ðơn ông Hoàng Ngọc B vắng mặt nhưng trong bản tự khai ðề ngày 17/12/2021 có trong hồ sơ ông Hoàng Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị H chúng sống với nhau từ năm 2014, do tự nguyện, có ðăng ký kết hôn số 66/2014 quyển số: 01/2014 ngày 02/7/2014 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp.

Quá trình chung sống thời gian ðầu khá hạnh phúc, khoảng 3 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Từ tháng 11/2020 đến nay ông và bà Lê Thị H ðã tự sống ly thân. Nay ông ðồng ý xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Yêu cầu Tòa án thành phố T xem xét giải quyết.

Về con chung: Ông Hoàng Ngọc B xác nhận, ông và bà Lê Thị H có một con chung tên Hoàng Nhật L (nữ), sinh ngày 01/9/2014. Ông Hoàng Ngọc B yêu cầu ðược trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Hoàng Nhật L, ðề nghị bà Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung: Ông Hoàng Ngọc B xác nhận ông và bà Lê Thị H không có tài sản chung.

Nợ chung: Ông Hoàng Ngọc B xác nhận ông và bà Lê Thị H không có nợ chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Từ khi thụ lý cho ðến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ðã tuân thủ ðúng theo các quy ðịnh của pháp luật về tổ tụng dân sự.

- Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Hoàng Ngọc B vắng mặt nhưng cùng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thẩm quyền: Bà Lê Thị H xin ly hôn với ông Hoàng Ngọc B, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Hoàng Ngọc B có địa chỉ cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn yêu cầu tòa án thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết, xét xử vụ án nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Hoàng Ngọc B vắng mặt nhưng cùng có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị H và ông Hoàng Ngọc B theo thủ tục chung.

- Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 66/2014 quyền số 01/2014 ngày 02/7/2014 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho bà Lê Thị H và ông Hoàng Ngọc B thì hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Hoàng Ngọc B được pháp luật công nhận là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà Lê Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Ngọc B do Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc; Bất đồng quan điểm về mọi mặt, cả hai đã tự sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay.

Xét thấy: Trong bản tự khai ngày 17/12/2021 ông Hoàng Ngọc B cũng thừa nhận: Quá trình chung sống ông và bà Lê Thị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, không khắc phục được dẫn đến việc hai bên tự sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay bà Lê Thị H nộp đơn xin ly hôn ông cũng đồng ý xin ly hôn.

Tại phúc đáp xác minh tình trạng hôn nhân gia đình số 8315/UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh nội dung như sau “ Ông Hoàng Ngọc B đã về quê tại Hà Tĩnh từ đầu năm 2021. Bé Hoàng Nhật L, sinh ngày 01/9/2014 theo ông Hoàng Ngọc B về

Hà Tĩnh hiện do ông Hoàng Ngọc B nuôi dưỡng. Hàng tháng bà H có gửi 2.000.000đ (hai triệu đồng) về nuôi con"

Qua đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà Lê Thị H và ông Hoàng Ngọc B là có thật, cuộc sống vợ chồng của hai người đã không còn hạnh phúc. Trong thời gian sống ly thân hai bên không tìm được biện pháp nào để cải thiện, hàn gắn. Bà Lê Thị H vẫn cương quyết xin ly hôn, ông Hoàng Ngọc B cũng đồng ý.

Xét mâu thuẫn gia đình giữa bà Lê Thị H và ông Hoàng Ngọc B đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Thị H xác nhận bà và ông Hoàng Ngọc B có một con chung tên Hoàng Nhật L (nữ), sinh ngày 01/9/2014. Bà Lê Thị H đồng ý giao con chung Hoàng Nhật L cho ông Hoàng Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng.

Xét: Tại phúc đáp xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh đã nêu ở trên thì ông Hoàng Ngọc B là người đang trực tiếp nuôi con chung Hoàng Nhật L; ông Hoàng Ngọc B có ý kiến xin được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn; Tại bản tự khai của trẻ Hoàng Nhật L, trẻ Hoàng Nhật L có nguyện vọng xin được ở với bố là ông Hoàng Ngọc B. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho trẻ Hoàng Nhật L cần chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về việc giao con chung cho ông Hoàng Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H về việc cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Hoàng Ngọc B cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị H có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Hoàng Ngọc B.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Hoàng Nhật L (nữ), sinh ngày 01/9/2014 cho ông Hoàng Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H về việc cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng bắt đầu từ khi quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Hoàng Ngọc B cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết quan hệ hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2019/0058761, ngày 04/03/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh lập .

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị H phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H và ông Hoàng Ngọc B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND T.p T;
- THA DS T.p T;
- TAND T.p Hồ Chí Minh;
- Cơ quan ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hòa

